

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN THANH PHÚ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 247/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 03-4-2018.

V/v: “Ly hôn” giữa chị Lê Hồng M

và anh Nguyễn Văn B.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn;
2. Ông Dương Văn Hai.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi – Thư ký Tòa án –
Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 483/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Hồng M, sinh năm: 1987. Địa chỉ: 1/1 ấp Xương L, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Chị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1987. Địa chỉ: 1/1 ấp Xương L, xã T T, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2017, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn chị Lê Hồng M trình bày:

Chị và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thới Thạnh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/11/2008. Thời gian chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, có được một con chung là Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 10/7/2009. Khoảng đầu năm 2014, hai bên phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh B không thay đổi. Vì vậy, mâu thuẫn cả hai ngày càng nặng nề hơn. Do đó, chị đã về nhà của mẹ ruột để sinh sống. Hai bên đã ly thân từ khoảng giữa năm 2014 đến nay. Thời gian đó đến nay, cha mẹ hai bên đã khuyên bảo rất nhiều để vợ chồng chị hòa hợp và hàn gắn với nhau nhưng anh B không thay đổi, anh B vẫn còn giữ tình cảm với người phụ nữ khác. Anh B dành nhiều thời gian, tiền bạc, sự quan tâm, chăm sóc cho người khác hơn là cho chị và gia đình. Vì điều đó nên cả hai đều rất mệt mỏi khi cãi vã, giận hờn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay chị đã đi Thành phố Hồ Chí Minh làm tạo thu nhập để sinh sống và nuôi dạy con. Hiện nay chị và anh B không ai còn yêu thương quan tâm nhau, không có khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Hồng Nhung, sinh ngày 10/7/2009; không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: chị và anh B không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 07/12/2017 và trong quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Văn B trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị M về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn và họ tên, ngày, tháng, năm sinh của con chung như chị M đã trình bày. Anh thừa nhận trước đây anh có phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác. Lúc đó chị M rất buồn và giận nhưng anh B hứa hẹn sẽ thay đổi nên chị đã tha thứ. Từ đó đến nay, anh B không còn qua lại với người phụ nữ nào khác nữa nhưng hơn một năm nay, chị M đã về nhà mẹ ruột sinh sống và đã đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên đã ly thân từ đó cho đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của chị M thì anh

không đồng ý. Mặc dù anh có sai lầm trước kia nhưng anh đã thay đổi để xây dựng hạnh phúc gia đình. Hơn nữa, do anh còn thương vợ, thương con nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M thì anh đồng ý để chị M nuôi dưỡng con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu; anh và chị Muôi không có tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào các điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Hồng M đối với anh Nguyễn Văn B. Chị M không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét.

Về con chung: Chị Lê Thị Hồng M được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Hồng Nhung, sinh ngày 10/7/2009. Chị M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Hồng M và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị M và anh B trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Lê Hồng M thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là Hôn nhân và gia đình, về việc “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc chị M có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự. Xét việc anh B vắng tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Nguyễn Văn B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng

anh B vẫn không có mặt. Việc vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Lê Hồng M và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và B đăng không bên nào bị lừa dối hoặc ép buộc, cả hai đều có đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Hồng M, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn chị M và anh B có thời gian sống hạnh phúc không lâu thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị M đã bỏ qua lỗi lầm cho anh B để mong có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc hơn nhưng sau đó, anh B vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi mà vẫn còn phát sinh quan hệ tình cảm với người khác. Từ nguyên nhân này đã làm mâu thuẫn giữa anh B và chị M ngày càng gay gắt hơn không thể giải quyết được. Chị M, anh B và gia đình hai bên cũng đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn để vun đắp tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh B nhưng không thể hàn gắn được. Chị M xác định đã từ lâu chị không còn tình cảm gì với anh B vì niềm tin của chị đối với anh B đã không còn. Anh B không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M nhưng cũng không đưa ra được hướng giải quyết thuyết phục nào đối với mâu thuẫn giữa hai người. Mặt khác, anh B thừa nhận có khoảng thời gian anh sống không chung thủy với chị M. Theo nội dung biên bản xác minh ngày 31/01/2018 đối với bà Nguyễn Thị Nén là mẹ ruột của anh B thì anh B và chị M có nhiều lần xảy ra mâu thuẫn rồi hàn gắn trở lại nhưng hiện nay anh B và chị M mỗi người sống một nơi. Bà có khuyên ngăn vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay vẫn không hòa hợp được cuộc sống vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị anh B và chị M đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng. Anh B đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn đến mức không thể giải quyết được. Đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh B là có căn cứ. Phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị M không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về con chung: Chị M và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 10/7/2009. Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ lúc chị M và anh B sống ly thân cho

đến nay, chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồng Nh, anh B cũng đồng ý giao con chung cho chị M nuôi. Do đó, việc chị M có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận việc chị M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị M và anh B không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị M và anh B trình bày không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Chị Lê Hồng M phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Hồng M. Chị Lê Hồng M được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Chị M không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về con chung: Chị Hồng M được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 10/7/2009; anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh B vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội

đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị M và anh B trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Lê Hồng M phải nộp số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0012208 ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/4/2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Ủy ban nhân xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đào Hồng Vân

